

## Phần 3

### Về ký sự

Ngày trước, khi chưa có báo chí, truyền thanh, truyền hình thì về ký sự là một hình thức thông tin, phóng sự cho đại chúng rất hữu hiệu. Về ký sự Huế có tác động tinh thần rất lớn.

Nhìn chung, về ký sự Huế nhắc nhở, mô tả cảnh thiên tai bão lụt, nước mặn, mất mùa, núi lở, hạn hán, dân tình khốn khổ, chết chóc thảm thương.

Ở Huế, những năm thiên tai nặng nhất là những năm: Giáp Thìn (1904), Giáp Dần (1914), Ất Mão (1915), Đinh Tỵ (1917), Kỷ Mão (1939), Giáp Thân (1944), Ất Dậu (1945), Quý Tỵ (1953).

#### 8- Về Năm Đinh Tỵ (1917)

- 1- Bà con lẳng lặng mà nghe,  
Tôi đọc bài về Đinh Tỵ (1)  
Trời làm thiệt ngụy.  
Mưa to nước lớn dầm dề,
- 5- Nguồn nào cũng lở, động đê cũng tàn.  
Bao nhiêu đất ruộng bỏ hoang,  
Cũng vì mưa đổ, cát tràn lấp đi.  
Có mô lao khổ như ri (2),
- 9- Cây ba đặng vật thú chi cũng không còn.  
Phần thì sập núi sập non,  
Núi mô cũng lở không hòn (3) mô không.  
Đá thì lăn xuống ruộng đồng,
- 13- Hai bên thiên hạ tưởng đông ùng ùng.  
Rạng ngày mới biết núi lở non bằng.  
Đá nhào cây đổ ùng ùng như dông.  
Hầm đàng mần đá có công,

- 17- Thiệt thà nên xảo cũng không tại Trời.  
Có mô lao khổ Trời ơi,  
Mả mồ thiên hạ chạp (4) rồi như chưa.  
Năm ni (5) không bão, trời mưa,
- 21- Cát bầy hòm, trôi cốt, thảm chưa hồi Trời.  
Mưa chí mười bốn tháng mười,  
Bữa rằm, mười sáu, ba ngày thiệt hung (6).  
Đá thì lăn xuống đùng đùng,
- 25- Cây ba đẳng vật lộng tròng cú khi.  
Có mô lao khổ mần ri (7),  
Nước mặn sáu tháng con chi cũng hòa.  
Phân thì cơm gạo lại thua (8),
- 29- Thiên hạ mất mùa ngó đã gian nan.  
Rủ nhau đi đào khoai lang,  
Đem về mà bán bạc ngàn bạc trăm.  
Dần Mão (9) đã cực hai năm,
- 33- Bước qua Đinh Tỵ bốn năm hồi Trời.  
Để sau mới biết sự đời,  
Sơn cùng thủy kiệt nhiều lời gian truân.  
Thiên hạ lao khổ vô chừng,
- 37- Tùng chinh hiệu dụ (10) mười phần còn ba.  
Người thì bỏ mẹ bỏ cha,  
Người bỏ con, kẻ bỏ vợ, ngó đà thảm thương.  
Nay chù tới lúc sa trường
- 41- Ba quân thiên hạ phố phường phải đi.  
Anh em mình ơi, đêm nằm phải nghĩ phải suy,  
Từ đình thứ nhất lấy chi nài hà.  
Em ơi nuôi lấy mẹ già,
- 45- Anh đi cùng tận đường xa không chừng.  
Khi vui ai nấy đều ứng,  
Đêm nằm nghĩ lại rừng rưng hai hàng.  
Điệu làm trai sủng vắc gươm mang,

- 49- Theo Tây giúp nước (11) lo chi đàng vợ con.  
Anh ra đi đất nước chon von,  
Thương cha, nhớ mẹ, nhớ vợ con vô cùng.  
Anh ra đi đánh Bắc dẹp Đông,
- 53- Khuyên em ở nhà khẩn nguyện cầu an.  
Cầu cho anh đi sức khỏe vẹn toàn,  
Đem thân về xú bạc vàng kể chi.  
Anh ra đi nhiều đoạn lâm nguy,
- 57- Cũng nhờ phúc đức cha mẹ thì mới an.  
Kể những tù ở Kinh mà vô tội Hàn,  
Vợ chờ phân giải với chàng đôi khi.  
Đêm nằm rằng anh không nghĩ không suy,
- 61- Xa con gái vợ bỏ đi sao đành.  
Anh ra đi nước đục non xanh,  
Khi mưa khi nắng rách lành nhờ ai?  
Điều vợ chồng nghĩa khí lâu dài,
- 65- Lòng con chung tưởng ái hoài tình thâm.  
Chồng thì binh cách Tây Đông,  
Bỏ mẹ con tôi thảm thiết vô cùng Trời ơi.  
Cho tui phân lại một lời,
- 69- Lành lấy tiền bạc đặng thời nuôi con.  
Thân chồng như trăng xế kè non,  
Phiêu phiêu nhân ảnh biết còn hay không.  
Nhiều người nghĩa khí theo chồng,
- 73- Ôm lòng thủ tiết ở cùng mẹ cha.  
Có mấy người trong dạ bôn ba,  
Chồng đi một bữa là ba bốn chồng.  
Có người bất hiếu bất trung,
- 77- Bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ chồng, bỏ con.  
Trăm năm nghĩa khí hãy còn,  
Em sao em bỏ chồng con sao đành.  
Phước mà đặng chữ thơm danh,

- 81- Làm nên cai đội ai dành vui cho.  
Ra đi anh có dặn dò,  
Dù ai lui tới nhỏ to xin đừng,  
Em đây chuyện ấy không ứng,
- 85- Chồng em có dặn ăn mần (12) nuôi con.  
Mai sau đặng chữ vuông tròn,  
Tiếng khen thầy mẹ sanh con ở đằm (13).  
Ra đi anh có để bạc trăm,
- 89- Dặn cùng với vợ chí lăm ăn mần (14).  
Người khôn buôn bán tảo tần,  
Nuôi con một buổi ăn vừng tính toán.  
Ra đi anh trong dạ vững vàng,
- 93- Sợ mai em ở có vẹn toàn hay không.  
Nguyện cùng nhau Nam Bắc Tây Đông,  
Nhất phu nhất phụ cứ một chồng mà thôi.  
Cầu anh qua Tây cho thấu tới nơi,
- 97- Trao thơ em lại gửi (15) lời anh hay.  
Điệu vợ chồng xa chắc (16) một ngày,  
Lòng còn trông tưởng hưởng chùng ba năm.  
Ra đi anh có để bạc trăm,
- 101- Lòng em khắp khởi chí lăm (17) một bề.  
Em sợ một mai một nỗi say mê,  
Anh qua Tây sung sướng không về cùng em.

\* \*

- 
- (1) **Đinh Tỵ** : năm 1917.
  - (2) **như ri** : như thế này.
  - (3) **hòn** : núi nhỏ. Chũ hòn thường dùng để chỉ một vật có hình dáng tròn, nhỏ. Ví dụ : Điện Hòn Chén; hòn bi; hòn non bộ.
  - (4) **chạp** : sửa sang mồ mã.
  - (5) **năm ni** : năm nay.
  - (6) **thiệt hung** : thật dữ.
  - (7) **khổ mần ri** : khổ như ri; khổ như thế này.
  - (8) **thua** : thiếu thốn.
  - (9) **Dần Mão** : năm Giáp Dần (1914) và năm Ất Mão (1915).
  - (10) **tùng chinh hiệu dụ** : kêu gọi gia nhập quân đội. [Lúc bấy giờ là trong thời kỳ Đệ Nhất Thế Chiến (1914-1918), chính phủ Pháp tuyển mộ lính cho quân đội Pháp].
  - (11) **giúp nước** : giúp nước Pháp.
  - (12) **ăn mần** : làm ăn.
  - (13) **đằm** : đằm thắm.
  - (14) **chí lăm ăn mần** : quyết chí làm ăn.
  - (15) **gởi** : gửi.
  - (16) **xa chắc** : xa nhau.
  - (17) **chí lăm** : quyết chí.

**Ghi chú:** Bài vé Năm Đinh Tỵ ghi chép theo cuốn Dân ca Thừa Thiên - Huế soạn giả Trần Thùy Mai, Nhà xuất bản Thuận Hóa, 2003.

## 9- Về Nạn đói năm Thân Dậu (1944-1945)

- 1- Hai bên lẳng lặng mà nghe,  
Tui (1) kể chuyện về để rõ duyên cơ (2).  
Mùa màng mất mát xác xơ,  
Bước qua năm Mẹo (3) đói cơ hội nào (4).
- 5- Lúa thòi mỗi tháng mỗi cao,  
Môn khoai cũng mất, sản thòi như sâm.  
Mụ ông (5) to nhỏ thâm trầm,  
Có chi (6) cũng bán để cầm cho qua.
- 9- Tưởng là hạn đói qua loa,  
Không hay Thân Dậu (7) vậy đà đáo lai (8).  
Kêu Trời, Trời nỏ (9) thấu tai,  
Lon (10) gạo đồng (11) rưởi, nòi hai khoai chín tiền (12).
- 13- Đói chi mà đói thất kinh (13),  
Thúng lúa cũng hết, trụ tiền (14) cũng không.  
Ngưu lao (15) chi chí đồ đồng,  
Đem ra mà bán người không quý gì.
- 17- Khổ thay cái đói năm ni,  
Ông già bà lão ai thì cũng kinh.  
Trị Thiên (16) cho chí Quảng Bình,  
Ngó trong ba tỉnh cảnh tình như nhau.
- 21- Đói chi mà đói quá lâu,  
Tháng tám năm trước đến đầu tháng tư.  
Tài nào mà nỏ hiệu hư (17),  
Gạo cơm đất lấm, ăn chi chừ (18) hời con !

\* \*

- 
- (1) **tui** : tôi.
  - (2) **duyên cơ** : nguyên nhân.
  - (3) **Mẹo** (Mão) : năm Kỷ Mão (1939).
  - (4) **đói cơ hộ nào** : đói chưa bao giờ thấy, đói khủng khiếp.
  - (5) **mụ ông** : ông bà già.
  - (6) **có chi** : có gì.
  - (7) **Thân Dậu** : năm Giáp Thân (1944) và năm Ất Dậu (1945).
  - (8) **đáo lai** : trở lại.
  - (9) **nỏ** : chảng.
  - (10) **lon** : ở Huế dân chúng dùng lon sữa bò để đựng gạo.
  - (11) **đồng** : đơn vị tiền tệ của Việt Nam kể từ thời lệ thuộc Pháp (Piastre).
  - (12) **tiền** : đơn vị tiền tệ của Việt Nam trước thời Pháp thuộc.
  - (13) **thất kinh** : khủng khiếp.
  - (14) **trụ tiền** : đồng tiền.
  - (15) **ngưu lao** : trâu bò.
  - (16) **Trị Thiên** : tỉnh Quảng Trị và tỉnh Thừa Thiên.
  - (17) **hiệu hươu** : báo hiệu những điều xấu.
  - (18) **ăn chi chừ** : biết ăn gì bây giờ.

## 10- Về Nạn đói năm Ất Dậu (1945)

Về nạn đói năm Ất Dậu do cụ Tá làng Điền Môn, xã Điền Hải, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên kể. Chúng tôi ghi chép trong cuốn *Dân Ca Thừa Thiên - Huế* của tác giả Trần Thùy Mai, nhà xuất bản Thuận Hóa xuất bản vào năm 2003.

- 1- Từ năm Ất Dậu niên lai,  
Mùa màng nông vụ chẳng thấy ai ăn mần (1).  
Tráng cũng như bần,  
Cửu (2) cũng như dân.
- 5- Thấy đời mà ngán.  
Ngó quanh gia bạn,  
Thịt nát xương mòn,  
Bỏ vợ bỏ con,
- 9- Cũng vì Ất Dậu.  
Gạo có một đấu (3),  
Bốn quan tiền chì.  
Gái đẹp lúc ni (4),
- 13- Lưng còm, má cọp (5).  
Trai đang ăn học,  
Mặt bủng mày sưng.  
Bầu bí không chùng,
- 17- Sắn khoai hết củ.  
Chừ ta mới chợ (6):  
Cháu bỏ ông bà,  
Con bỏ cha mẹ.
- 21- Thay đời đổi thế,  
Đình chùa phế trệ (7).  
Thảm thiết giang sơn,



- Rừng chẳng có cơn (8),  
25- Trâu bò xiêu bổ (9).  
Lúc ni mới chộ (10),  
Tà nịnh ra nhiều.  
Thấy bạc thì xiêu,  
29- Thấy nghèo thì hiếp.  
Tra (11) đòi trót kiếp (12),  
Tội nợ còn mang.  
Người cật búng vàng,  
33- Chết đi sống lại.  
Ngó ra đồng nội,  
Cọng khoai con con,  
Bởi vì còn non,  
37- Để thời sợ mất.  
Cầu Trời, khấn Phật,  
Có gạo chẵn bần.  
May được đôi phần,  
41- Lăn hồi đỡ bữa.  
Trách người ở giữa (13),  
Thèm rượu thèm nem.  
Ăn chận, nói thêm,  
45- Dân còn mô nữa.  
Hết phương lãn lãn,  
Bỏ làng mà đi.  
Cũng đành băng rú, băng ri (14),  
49- Lên Lào kiếm một chút chi sống đời.

\* \* \*

- 
- (1) **mần** : làm việc.
  - (2) **cửu** : chức cửu phẩm, một chức quan nhỏ nhất trong hàng quan lại triều Nguyễn.
  - (3) **đấu** : dụng cụ đo lường ngũ cốc.
  - (4) **lúc ni** : lúc này.
  - (5) **má cộp** : má lôm.
  - (6) **chừ ta mới chộ** : bây giờ ta mới thấy.
  - (7) **phế trệ** : bỏ hoang; không còn chăm sóc nữa.
  - (8) **cơ** : cây.
  - (9) **bổ** : ngã.
  - (10) **lúc ni mới chộ** : bây giờ mới thấy.
  - (11) **tra** : già.
  - (12) **trót kiếp** : trọn đời.
  - (13) **người ở giữa** : người làm trung gian tiếp nhận quà phát chẩn cho người nghèo đói.
  - (14) **ri** : rừng; núi có nhiều cây.

## 11 - Về Lụt năm Quý Tỵ (1953)

- 1- Đồng bào đón lấy mà nghe,  
Tôi kể chuyện về Quý Tỵ (1) mà nghe.  
Cuộc đời nhiều nỗi đắng đo,  
Mất còn, sống sót, đói no tự Trời (2).
- 5- Ngày rằm lác đác mưa rơi,  
Ngoài đồng lúa gặt hơn mười phần trăm.  
Nửa đêm mười sáu gió rung,  
Mưa ào sấm chuyển ập (3) xong cả đồng.
- 9- Đêm khuya nước chảy mênh mông,  
Người lo đồn cửa, kẻ bồng con đi.  
Nước lên tức khắc một khi,  
Độn (4) gò lai láng biết đi đường nào.
- 13- Leo cao nhiều chỗ sập nhào,  
Nước lan đỏ thấm họa vào (5) dòng sông.  
Phước cho Mỹ Á xóm trung,  
Nứt ngang qua biển , may không trôi làng.
- 17- Nghe tin Phụng Hóa, Kinh Hòa,  
Lút đồn Văn Thánh, xòa (6) ngang trên thành.  
An Hòa, Mang Cá, Địa Linh,  
Hương Thê, Đập Đá, chợ Dinh lút đầu.
- 21- Hai làng Bảng Lãng, Nguyệt Biều,  
Nước chảy, người chết, số nhiều mất thây.  
Những người trèo vịn trên cây,  
Bồng con quá lạnh, sút tay tè nhào.
- 25- Những người vợ lính theo chồng,  
Chưa rời tâm sự giữa dòng chia ly.  
Các trường thấy sự tai nguy,  
Chèo thuyền ra vớt quản gì phong ba.

- 29- Thân thương cho mấy cụ già,  
Mắt mờ chống gậy nước xòa (7) trôi đi.  
Thân thương ba đứa ấu nhi,  
Chưa rời vú mẹ chia ly đường nào.
- 33- Trời cao thăm lắm, Trời ơi,  
Vợ chồng, cha mẹ biết rời đi đâu ?

\* \* \*

- 
- (1) **Quý Ty** : năm 1953.  
(2) **tự Trời** : bởi ông Trời, tại ông Trời.  
(3) **ập** : tràn ngập.  
(4) **độn** : đời.  
(5) **họa vào** : hòa vào.

- (6) **xõa** : tỏa ra, lan tràn ra.  
(7) **xò** : tràn vào nhanh và mạnh.

## 12- Về Mất mùa

- 1- Nom (1) lên trên lối nường (2) bông,  
Đã không có trái lại không có đài.  
Nom lên trên lối nường khoai,  
Lại không có củ, ai ai cũng buồn.
- 5- Đêm nằm nghĩ kết ngọn nguồn,  
Đỗ (3) không có trái đã buồn chưa anh.  
No thì chị chị anh anh,  
Đói thì da bủng mặt xanh như chàm.
- 9- Không làm mà nhịn (4) cho cam,  
Cổ cày tay cuốc (5) có làm không ăn.  
Lấy chi trích trữ để dành,  
Nước sa (6) lụt lội mưa quanh ngập bờ.
- 13- Về này chẳng phải nói vợ (7),  
Tháng năm đi trước ai ngờ đi sau.  
Nom ra cái cảnh ngoài bầu (8),  
Con tôm con tép còn đâu mà chài.
- 17- Trong vườn trái mít trái gai,  
Đỗ nâu (9) không trái, đỗ dài (10) không hoa.  
Trồng ra được một vạt (11) cà,  
Lấy được lúa trái, còn hoa rụng rồi.
- 21- Thương thay hạt nếp làm xôi,  
Ba lúa một gạo chị ngồi mà đong.  
Đêm nằm chị nói với chồng,  
Cái phận ta đói mùa đông càng nghèo.
- 25- Trong chuồng có con lợn mè (12),  
Ba quan cũng bán chẳng nèo (13) trụ mô (14).  
Bán rồi mua hạt lúa ngô,  
Phơi bình, phơi ấm, phơi ngô để dành.

29- Trồng được ba cây mía l o,  
Trời làm chết mất làm sao bây giờ ?  
Năm nay đói khát bơ vơ,  
Anh em huynh đệ biết nhờ vào ai ?

\* \* \*

- 
- (1) **nom** : nhìn, ng o, xem.  
(2) **n ng** : vườn.  
(3) **đ ** : đậu.  
(4) **nhịn** : nhịn đói, không  n.  
(5) **c  c y tay cuốc** : c  mang d y để k o c y như trâu b , tay thường xuyên phải cuốc đất.  
(6) **n c sa** : n c mưa tu n rơi.  
(7) **n i v ** : n i v  v n, vu v , b y b .  
(8) **b u** : cái ao lớn nằm ngoài c nh đồng ruộng.  
(9) **đ  n u** : đậu đ .  
(10) **đ  d i** : đậu đ .  
(11) **v t** : mảnh đất nhỏ.  
(12) **con lợn m o** : con lợn nhỏ như con m o.

(13) **chẳng nèo** : chẳng nài nĩ.

(14) **trụ mô** : đồng nào.

### 13- Về Năm đói

- 1- Hai lăm (1) tháng chín ngày rày (2),  
Gió lai rai ba bữa phát ngày phong ba.  
Người thời trôi cửa, kẻ lại trôi nhà.  
Người trôi con, vợ, thoi đà huyên thuyên.
- 5- Càng lâu nước lại càng về,  
Vịt, gà, heo, chó một bày đều trôi.  
Trong nhà ghé, phẫn, rương, nôi,  
Lũ, hoành, trướng , liễn cũng trôi một đoàn.
- 9- Một mình khốn khổ lỗ than,  
Trèo lên khu đi (3) tìm đàng mà ra.  
Ngó về thiên hạ người ta,  
Ai mô như nấy (4) cửa nhà nát tan.
- 13- Những là khoai tía, khoai lang,  
Đậu, mè, dưa, bắp thối tan không còn.  
Chuyến này gạo lại hai lon (5),  
Vợ chồng xa chắc, mẹ con không nhìn.
- 17- Người giàu thất vận đi xin (6),  
Có người cực khổ tự nhiên mà giàu.  
Năm nay đói đã nên lâu,  
Trong nhà lu, mái, lưới câu đem cầm.
- 21- Người thời bán đĩa, bán mâm,  
Đồ trà khay hộp đi cầm hết trơn.  
Chuối buồng mới rục ngoài cơn (7),  
Vác thêu (8) ra xắn hấp cơm lờn chờn.
- 25- Rồi ăn chồng khen ngon, vợ cũng khen ngon.  
Ăn vô ba bữa căng (9) húp tròn vo vo.  
Ngày rày ăn được bữa no,  
Ngày sau chân trướng (10), bụng to cũng đành.
- 29- Lá khoai, lá sắn, đọt dành,

- Khiến con đi hái để dành luộc ăn.  
Lá bầu, lá mướp, lá trăn,  
Rau ngo, rau chiếu cũng ăn không thừa.
- 33- Rau mầu, chột (11) bí, lá cùa,  
Cũng đều tuốt hết chẳng lưa (12) lá nào.  
Những loài tria hến dưới rào (13).  
Đêm ngày lặn lội tuốt bào sạch trơn.
- 37- Những loài vật trái trên cơn,  
Non tra (14) sống chín hái trơn (15) không còn.  
ch, đam (16), trai, ốc, rạm (17), còng,  
Xách oi (18) đi bắt, chẳng con mô thừa.
- 41- Đói trong sáu tháng đã bừa (19),  
Tháng tư lúa chín bừa vừa (20) bụng no.

\* \*

---

(1) **hai lăm** : hai mươi lăm.  
(2) **ngày rày** : ngày này.



- (3) **khũ đi** : phần trên ở hai đầu của mái nhà tranh.
- (4) **ai mô như nấy** : ai cũng như ai.
- (5) **lon** : dân chúng Huế dùng lon sữa bò để đong gạo.
- (6) **đi xin** : đi ăn xin, đi ăn mày.
- (7) **cơn** : cây.
- (8) **thêu** : dụng cụ đào đất.
- (9) **cẳng** : chân.
- (10) **chân trướng** : chân bi sưng húp, phồng to.
- (11) **chột** : cuống, cọng.
- (12) **chẳng lưa** : không chừa lại, không để lại.
- (13) **rào** : con sông nhỏ.
- (14) **tra** : già.
- (15) **hái trơn** : hái hết.
- (16) **đam** : cua đồng.
- (17) **rạm** : một loại cua đồng nhỏ.
- (18) **oi** : giỏ đựng cá, tôm, cua.
- (19) **đã bừa** : đã vừa.
- (20) **bừa vừa** : đến lúc.

## 14- Về Xin gạo

- 1- Ai ơi ngồi lại mà nghe,  
Tôi kể chuyện về xin gạo vừa qua.  
Cũng vì nước mặn gây ra,  
Dân tình đói khổ kêu la thấu trời.
- 5- Cũng vì bom đạn mà thôi,  
Ai hay của Thuận lở rồi một khi.  
Dân tình tất cả suy vi,  
Tính mạng tài sản vậy thì tổn hao.
- 9- Mấy năm hao tốn biết bao,  
Người Nam kẻ Bắc đồng bào khổ tâm.  
Đi đâu cũng một người dân,  
Cấp trên phải xử cân phân mọi bề.
- 13- Từ thành thị đến thôn quê,  
Trông mong yên giấc trở về quê hương.  
Hòa bình trở lại bốn phương,  
Súng bom ngừng bắn muôn đường vinh quang.
- 17- Nhân dân sung sướng muôn phần,  
Trở về quê cũ xóm làng yêu thương.  
Khi về ghé lại ruộng nương,  
Bốn bề nước mặn tang thương lắm rồi.
- 21- Nay chừ kêu mãi mà thôi,  
Cùng nhau than củi lần hồi nuôi nhau.  
Tưởng vì mai cháo chiều rau,  
Không hay nước bể (1) lại đau lu bù.
- 25- Trở về không có nhứt xu (2),  
Lúa ngô khô sạch, bín bù (3) cũng không.  
Nghĩ ra đã cực lại cùng,  
Những người ngồi nể ăn không (4) mãi hoài.
- 29- Cực lòng nên phải kêu nài,

- Để kiếm ít gạo hôm mai đỡ lòng.  
Mọi người ai nấy trông mong,  
Trình lên chính phủ rộng lòng thương dân.
- 33- Mấy năm ni (5) hiểm (6) vô cùng,  
Gây nên nạn đói muôn phần long đong.  
Đồng bào Nam Bắc Tây Đông,  
Miền trên miền dưới miền trong miền ngoài.
- 37- Người không sắn, kẻ không khoai,  
Cùng nhau kéo đến đã hai ba ngày.  
Cũng vì nước mặn đến đây,  
Xin ông xử gấp, dân đây đói nhiều.
- 41- Chừ đây không phải đến liều,  
Yêu cầu giải quyết mấy điều dân mong.  
Đáp ngay cửa Thuận (7) cho xong,  
Giải quyết nạn đói từ trong ra ngoài.
- 45- Bè tui (8) đến chục kê nài,  
Radio hát máy có ai nghe gì ?  
Đồng bào cực khổ ra ri (9),  
Cơ chi có gạo đói thì dòn lo (10).
- 49- Ông đôn (11) khi ấy nhỏ to,  
Chờ khi giải tán bắt vô hai người.  
Nghĩ rằng đã cũng tức cười (12),  
Đói nghèo xin gạo nói người chỉ huy.
- 53- Đồng bào lập tức về đi,  
Không thì đối phó một khi không phàn nàn.  
Nghe qua nhỏ lệ hai hàng,  
Chờ hoài chẳng thấy các làng kéo đi.
- 57- Trong đồn nghe nói một khi,  
Quân vây bốn mặt, đập thì dân la.  
Đồn thì mấy ông xả ra,  
Lính thời khẩu hiệu hô ra ào ào.
- 61- Đồng bào không biết nghĩ làm sao,  
Gạo cơm chẳng có bị đập nhào thân thương.

- Chuyện đời rằng (13) lăm tai ương,  
Cấp trên xét xử không tường cho dân.
- 65- Có người họ đập bắt nhân,  
Có người xỉ máng không phân tiếng gì.  
Một bà cặm cũi thăm thì,  
Có em tuổi trẻ không thì vẹo lưng (14).
- 69- Đón đau trong dạ không ngừng,  
Miệng van lụy nhỏ muôn phần xót xa.  
Đập thì dân khóc dân la,  
Sau khi hết đập thật là lo âu,
- 73- Khóc cho hết nỗi u sầu,  
Làng trên xóm dưới kể đầu chí đuôi,  
Dồn đi tất cả mấy người,  
Làm sao thỏa mãn mấy lời dân thưa.
- 77- Tin về khắp các địa phương,  
Làm đơn lên kiện tỉnh đường một khi.  
Cũng vì nước mặn suy vi,  
Dân tình chẳng có việc chi hạ hành (15).
- 81- Yêu cầu giải quyết cho lành (16),  
Mấy người bị đạn nhà thương chưa lành.  
Thuốc men thiếu thốn trăm đường,  
Bị giam thì phải bồi thường tự do.
- 85- Làm quan việc nước phải lo,  
Cấp trên phải xử sao cho tỏ tường.  
Những người hậu kiện tỉnh đường,  
Gạo cơm chẳng có, ruộng vườn bỏ hoang.
- 89- Việc này khó tính khôn toan (17),  
Chờ ân chính phủ bảo toàn cho dân.

\* \* \*

- 
- (1) **nước bẻ** : bệnh sốt rét ngã nước.
  - (2) **không có nhút xu** : một đồng xu cũng không có.
  - (3) **bín bù** : bí và bầu.
  - (4) **ngồi nể ăn không** : ăn không ngồi rồi; chỉ có ăn mà không làm.
  - (5) **ni** : nay.
  - (6) **hiếm** : hiếm nghèo, khó khăn.
  - (7) **cửa Thuận** : cửa biển Thuận An.
  - (8) **bề tui** : chúng tôi.
  - (9) **ra ri** : như thế này.
  - (10) **dòn lo** : khỏi lo.
  - (11) **ông đồn** : ông trưởng đồn.
  - (12) **túc cười** : buồn cười.
  - (13) **răng** : sao mà.
  - (14) **vẹo lưng** : quẹo lưng.
  - (15) **hạ hành** : hành hạ; làm cho khổ sở, nhục nhã.
  - (16) **cho lanh** : cho nhanh, cho mau.
  - (17) **khó tính khốn toan** : khó lòng xoay sở.

## 15- Về Nước mặn

- 1- Hiềm vì nước mặn lã lã,  
Nước kéo nước rút chùng mô (1) hồi trời ?  
Hiềm vì nước mặn chơi vơi,  
Nước không có uống kêu Trời, Trời xa.
- 5- Sáng ngày lại mở trâu ra,  
Cỏ đồng tàn rụi trâu đà ốm hư.  
Thảm thương những kẻ chép lừ (2),  
Ước mong kiếm gạo nay chừ (3) queo râu.
- 9- Tù ngao ruội (4) đến lái câu,  
Ngày đêm lặn lội tốn dầu hao công.  
Ngó trong nhà bồ lũng thúng không,  
Con thơ khóc mếu những hòng cạo niêu.
- 13- Ruột đau quần quai chín chiều,  
Nhà nông thất nghiệp, ruộng nhiều bó tay.  
Chăm lo sản xuất cấy cày,  
Ruộng trừa chết hết, phủ tay lo buồn.
- 17- Thảm thương mấy chị đi buôn,  
Vai thì gánh nặng đi buôn ít lời.  
Hiềm vì nước mặn ai ơi,  
Để dành tiền gạo sống đời hôm mai.
- 21- Người vô trong Quảng (5), kẻ ngược Tân Sài (6),  
Đi mô cũng khó, lại quay về làng.  
Khi về ngó lại ruộng nương,  
Bốn bề nước mặn tang thương lảm ròi.
- 25- Xót đau trong dạ bồi hồi,  
Thương con nhớ vợ khóc ròi lại than.  
Thiếu ăn thiếu uống trăm đàng (7),  
Tìm phương tính kế tìm đường sinh nhai.
- 29- Nghĩ tử canh một canh hai (8),

Đi đâu cũng đỏi nguy tai lắm rồi.  
Bây giờ lên núi mà thôi,  
Cùng nhau đốt củi lần hồi nuôi nhau.  
33- Dẫu mà bữa cháo bữa rau,  
Khó thì chịu khó nuôi nhau tháng ngày.  
Khen cho lời nói thiệt hay,  
Cùng nhau hằm hút có ngày ấm no.

\* \* \*

- 
- (1) **chùng mô** : khi nào.  
(2) **chép, lử** : hai dụng cụ để bắt cá.  
(3) **nay chừ** : bây giờ đây.  
(4) **ngao, ruội** : con nghêu và con tép. Ngao ruội là việc mò nghêu và vớt tép. Con tép quá nhỏ phải dùng rá dày mà vớt bắt mới được.  
(5) **Quảng** : tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Ngãi.  
(6) **Tân Sài** : vùng núi thuộc tỉnh Quảng Trị.  
(7) **trăm đàng** : trăm đường.

(8) **canh** : thời gian bằng 1 phần 5 của một đêm. (Đêm 5 canh, ngày 6 khác).

## 16- Về Làm đường cô núi

- 1- Kể từ Bính Ngọ (1) đến nay,  
Dân tình lao khổ biết bao ngày cho qua.  
Mồng một cho chí mồng ba,  
Xâu (2) rao, mỗ đánh, dân ta tựu đình.
- 5- Chúc việc ngồi phân bổ trảng đình,  
Cơm đùm gạo bó, sấm sanh đủ đầy.  
Trát quan đã sức về đây,  
Làm đường cô núi, suốt ngày thâu đêm.
- 9- Mần rồi cứ thước đo thêm,  
Gà gáy đã điểm, nửa đêm chưa cho về.  
Việc vua quan nghe đã nặng nề,  
Làm đường trong mười, ngoài chín, bảng đề xôn xao.
- 13- Hai bên một núi, một rào (3),  
Tai nghe nước chảy lao xao thêm buồn.  
Hai hàng nước mắt nhỏ tuôn,  
Cả năm phủ huyện kéo lên nguồn, Trời ơi !
- 17- Cực chi da diết (4) hồi Trời,  
Ai không có chiếu trải tươi mà nằm.  
Làm đường cô núi không biết mấy năm,  
Nơi ăn nỏ có (5), nơi nằm cũng không.
- 21- Giữa thời làm một cái chái hội đồng,  
Trại khum ba giai (6) không nơi mà ngồi.  
Thảm thương mấy xã dân tôi,  
Gạo đổ vô nôi, nước hây dưới sông.
- 25- Chú lên đây, yếu đuối không xong,  
Tôi đây sức bạo (7), trong lòng còn lo.  
Thảm thương cho mấy chú học trò,  
Muối trường, cơm hầm, giở giò (8) không lên.



- 29- Mười giờ quan lớn ngài lên,  
Ngài đo phần đất, chưa nên ngài hành.  
Nền tam cho chí nền anh (9),  
Cuốc tai lòng mốt, cúp xêng (10) hai hàng.
- 33- Lắng tai nghe lệnh thầy truyền,  
Xêng thời xúc đồ, cuốc bàn cho cân.  
Đất thời y thuốc, y phân (11),  
Kẻ mạnh, người yếu phú bần tương tương.
- 37- Nước phèn, khối đá thêm hư,  
Da vàng, nắng xáp cũng như lửa hầm.  
Đêm nằm nghĩ lại thương tâm,  
Muối lậm, cơm hẩm, nước hâm đỡ lòng.
- 41- Ra mần gắng sức gắng công,  
Không hơn đi nữa cũng đồng hàng ban.  
Người ta thiên thiên, vụn vụn vô ngàn,  
Không chắc chi hai phủ huyện mà kêu van khổ bần.
- 45- Làm chi cho lao lụy lương dân,  
Đào sâu vét cạn, bạc dân không chừa.  
Tháng ngày đầu dãi nắng mưa,  
Nón cời (12), toi rách, áo cũng chẳng lưa đình tà.
- 49- Con người xương sát tận da,  
Trên đầu muối cắn, dưới đà sên bu.  
Con người hình lại như tù,  
Ăn nấu nôi bù (13), chẳng biết là răng.
- 53- Ra đi dự bị cóng thàng (14),  
Dầu mỡ nở có, lấy trắng làm đèn.  
Ăn nấu nở có hấp hem,  
Lên chỗ sơn lâm chướng khí phát hen sò sò.
- 57- Đêm nằm lo quá bụng lo,  
"Đờn ca xướng hát, ngài lo rượu trà".  
Những lời ông sứ (15) bày ra,  
Dân năm phủ huyện rúa mà giải khuây.
- 61- Mùa màng mất mát chây vây (16),

Mắc đồng công trụ nợ cũng vì ba thằng Tây  
bắt dân đi làm đường.

---

- (1) **Bính Ngọ** : năm 1906.
- (2) **xâu** : công việc mà người dân đàn ông từ 18 đến 60 phải làm cho công ích xã hội thời xưa ở nước ta.
- (3) **rào** : con sông nhỏ.
- (4) **da diết** : hết sức bức rút, day dứt trong lòng.
- (5) **nỏ có** : chẳng có.
- (6) **giại** : mái che tạm thời.
- (7) **bạo** : mạnh khỏe.
- (8) **giở giò** : nâng cái chân lên. Giở là nâng lên; giò là cái chân.
- (9) **nền tam** : đàn em; **nền anh** : đàn anh.
- (10) **xêng** : xéng.
- (11) **y thuốc, y phân** : chính xác từng thuốc, từng phân.
- (12) **nón cời** : nón gãy vành, nhô ra (Cời là nhô ra).
- (13) **bù** : trái bầu.
- (14) **cóng thàng** : cây đèn dầu. Cóng là cái bình bằng sành để chứa dầu; thàng là dây tim đèn.
- (15) **ông sứ** : ông khâm sứ người Pháp.
- (16) **chây vây** : chơi vơi.

## 17- Về Chăn trâu

- Thảm thương cho cụ chửi trâu (1),  
Ăn quán nằm cầu, khóc mẹ van cha.  
Hai hàng nước mắt chảy sa,
- 4- Cách sông trở hỏi biết nhà mẹ đâu ?  
Nửa đêm thức giấc mở trâu,  
Tơi nón nỏ (2) có, lấy đầu che mưa.  
Thân tui (3) đi sớm về trưa,
- 8- Vác cày vác bừa, mỗi cả hai vai.  
Ăn rồi chú thím lại nằm,  
Bắt tôi xay lúa (4) tối tăm trong nhà.  
Cái om (5) bằng quả trứng gà,
- 12- Bắc lên trướng xuống (6) thiệt là chú ơi.  
Cái om chưa bắc đã sôi,  
Tốn ba lẻ củi, chú ngồi chú lo.  
Ló chú đây lằm (7), đây kho,
- 16- Chú cho ăn ít chẳng cho ăn nhiều.  
Ăn rồi xấp xấp (8) trong điều (9),  
Cơm côi (10) cháo dưới mới chiều bữa qua !  
Răng chù (11) cho đến tháng ba,
- 20- Đưa trâu lên độn (12) ra nằm cây sanh.  
Cây sanh mỗi đứa mỗi nhánh,  
Gió nam phát lại tốt lành con trai.  
Đứa nậy (13) thì mặc áo dài,
- 24- Đứa nhỏ áo ngắn tóc dài phủ phê.  
Ngó quanh trống đánh tứ bề,  
Hai người thương chắc (14) chẳng hề nói ra.  
Con trâu kêu một tiếng ngân nga,
- 28- Con bò kêu một tiếng thật là khổ thay.

- 
- (1) **cụ chụ trâu:** em bé chăn trâu, cậu bé giữ trâu.
  - (2) **nỏ:** chẳng, không.
  - (3) **tui:** tôi.
  - (4) **ló:** lúa.
  - (5) **om:** nồi đất nhỏ.
  - (6) **trống xuống:** duống xuống, búng xuống.
  - (7) **lằm:** vựa chứa lúa.
  - (8) **xấp xấp:** lừng lừng.
  - (9) **điều:** bao tử. **Xấp xấp trong điều:** lừng lừng trong bao tử.
  - (10) **côi:** trên.
  - (11) **răng chừ:** bao giờ.
  - (12) **độn:** đôi núi; còn đất; còn cát.
  - (13) **nậy:** lớn.
  - (14) **thương chắc:** thương nhau.